

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 137/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 30 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Căn cứ Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 11/8/2021; số 153/TTr-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh với các nội dung như sau:

meo

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ:

1. Quan điểm, mục tiêu và định hướng:

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

- Ưu tiên tập trung đầu tư cho các dự án quan trọng, có tác động liên vùng, tạo đột phá và động lực phát triển gắn với giải quyết hài hòa nhu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giữ vai trò chủ đạo, có tính chất là vốn môi để thu hút hiệu quả các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác.

- Lồng ghép các nguồn vốn do tỉnh quản lý để phát huy hiệu quả đầu tư, bảo đảm hoàn thành, sớm đưa các công trình, dự án vào khai thác, sử dụng.

- Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương; tích cực, chủ động tăng thu, tiết kiệm chi để bổ sung thêm nguồn vốn đầu tư phát triển cho tỉnh.

2. Nguyên tắc phân bổ:

a) Nguyên tắc chung:

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021-2025 quy định tại Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh.

- Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công của tỉnh.

- Bảo đảm bố trí vốn tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải; sử dụng hiệu quả vốn đầu tư; sát thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Bảo đảm quản lý nguồn lực đầu tư công tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; Đồng thời, thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo chủ động và phát huy trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong quản lý, điều hành và thực hiện các công trình, dự án đầu tư.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công, góp phần tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Thứ tự ưu tiên trong bố trí vốn đầu tư công:

- Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có), quyết toán công trình hoàn thành.

- Phân bổ đủ vốn để hoàn trả các khoản ứng trước ngân sách địa phương.

- Phân bổ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

- Phân bổ vốn để thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư; khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn; hỗ trợ phát triển hợp tác xã và kinh tế tập thể,...

- Phân bổ vốn cho các dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

II. PHƯƠNG ÁN VÀ DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 là 7.940,5 tỷ đồng, bằng 143% kế hoạch Trung ương giao; trong đó:

1. Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí: 2.232,9 tỷ đồng; cụ thể:

- Dự phòng (10%): 223,29 tỷ đồng;

- Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định (giáo dục - đào tạo): 446,5 tỷ đồng;

- Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định (khoa học-công nghệ): 44,65 tỷ đồng;

- Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD - ĐT và KH-CN): 536,48 tỷ đồng;

- Đầu tư theo phân cấp quản lý (theo ngành, lĩnh vực): 981,98 tỷ đồng, trong đó:

+ Phân cấp tỉnh quản lý (60%): 589,188 tỷ đồng, trong đó HĐND tỉnh giao thực hiện một số dự án khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật: 92,748 tỷ đồng.

+ Phân cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý (40%): 392,792 tỷ đồng.

2. Nguồn thu sử dụng đất: 5.400 tỷ đồng; cụ thể:

- Phần vốn do cấp tỉnh quản lý: 3.300 tỷ đồng; trong đó:

+ Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở (do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện): 2.250 tỷ đồng; trong đó, HĐND tỉnh giao thực hiện một số dự án khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật: 106 tỷ đồng.

+ Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng: 1.030 tỷ đồng; trong đó HĐND tỉnh giao thực hiện một số dự án khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật: 222,565 tỷ đồng (bao gồm kế hoạch đối ứng cho các dự án ODA của tỉnh).

+ Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất ở Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo: 20 tỷ đồng.

- Phần vốn do cấp huyện quản lý: 2.100 tỷ đồng giao các huyện, thành phố, thị xã chủ động phân bổ theo đúng quy định.

3. Nguồn thu xổ số kiến thiết: 200 tỷ đồng; cụ thể:

- Lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế: 140,5 tỷ đồng;

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 30 tỷ đồng (cho 4 huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Hải Lăng, Triệu Phong).

- Công trình phúc lợi xã hội và công trình công cộng: 29,5 tỷ đồng

4. Bội chi ngân sách địa phương: 107,6 tỷ đồng.

III. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Thực hiện nghiêm quy định của Luật Đầu tư công, đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, giao kế hoạch vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

2. Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc; phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban ngành và địa phương; huy động sức mạnh của hệ thống chính trị thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đúng tiến độ.

3. Nâng cao hiệu quả, bảo đảm hoàn thành dự toán thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở; đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng phục vụ các công trình, dự án được bố trí thực hiện từ nguồn vốn này, nhất là các công trình, dự án quan trọng của tỉnh.

4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh trong thực hiện kế hoạch đầu tư công.

5. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Quá trình triển khai thực hiện, kịp thời rà soát, đánh giá để điều chỉnh, loại bỏ những dự án kém hiệu quả hoặc chưa thật sự cần thiết, để ưu tiên vốn cho các dự án cấp bách, trọng điểm, có tính chất kết nối, lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai, bảo đảm hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định của pháp luật. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

6. Thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; rà soát cơ sở vật chất các Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị để sắp xếp sử dụng tài sản phù hợp với nhiệm vụ mới, tránh lãng phí trong

đầu tư; tiếp tục nghiên cứu có kế hoạch đầu tư trụ sở làm việc cho Ủy ban nhân dân xã; đánh giá lại hệ thống các thiết chế văn hóa tại các thôn, khu phố để có định hướng đầu tư phù hợp, đặc biệt đối với các xã mới sáp nhập.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBTVQH, Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, Tài chính;
- Kiểm toán NN khu vực II;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- Lưu VT, KTNS.

156

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang



Biểu số 01

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2021 -2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	7.940.500	
A	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	2.232.900	
I	Dự phòng (10%)	223.290	
II	Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định (Giáo dục - đào tạo và Khoa học - công nghệ)	491.150	Chi tiết tại biểu số 2
1	Giáo dục - đào tạo	446.500	Chiếm 20% tổng vốn
2	Khoa học công nghệ	44.650	Chiếm 2% tổng vốn
III	Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KH-CN)	536.480	
1	Nhiệm vụ quy hoạch	100.000	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết
2	Ưu đãi đầu tư	10.000	
3	Đổi ứng các dự án án ODA	426.480	Chi tiết tại biểu số 3
IV	Đầu tư theo phân cấp quản lý	981.980	
1	Cấp tỉnh quản lý (60%)	589.188	Chi tiết tại biểu số 4
2	Cấp huyện quản lý (40%)	392.792	
-	Thành phố Đông Hà	32.187	
-	Thị xã Quảng Trị	27.501	
-	Huyện Vĩnh Linh	44.287	
-	Huyện Hướng Hóa	56.310	
-	Huyện Gio Linh	43.477	
-	Huyện Đakrông	48.156	
-	Huyện Cam Lộ	37.275	
-	Huyện Triệu Phong	43.262	
-	Huyện Hải Lăng	41.684	
-	Huyện đảo Cồn Cỏ	18.653	
B	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	5.400.000	Chi tiết tại biểu số 5
1	Cấp tỉnh quản lý	3.300.000	
2	Cấp huyện quản lý	2.100.000	
C	XỔ SỔ KIẾN THIẾT	200.000	Chi tiết tại biểu số 6
D	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	107.600	

Biểu số 2

TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
 (Kèm theo Nghị quyết số 137/NO-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT Trong đó: NSĐP		
	TỔNG CỘNG							
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO							
1	Cấp tỉnh							
*	<i>Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>							
-	Bố trí vốn quyết toán						491.150	
-	Hội trường Sở Giáo dục và Đào tạo	TP Đông Hà	1.037,6m ²	19-21	2509/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	10.407	446.500	
-	Trường THPT Cửa Việt, huyện Gio Linh	Gio Linh	15 phòng	16-18	2376a/QĐ-UBND 30/10/2015	45.500	267.900	
-	Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	6.472m ²	19-21	949/QĐ-UBND ngày 02/05/2019	33.386		
-	Nâng cấp và xây mới trường Mầm non Sao Mai, Đông Hà	Đông Hà	1.362,04m ² 2	18-20	2972/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.000	964	
-	Nhà hiệu bộ Trường Cao đẳng Y tế	Đông Hà	913m ²	19-21	2511/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.000	1.000	
-	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Hữu Thận	Triệu Phong	644m ²	18-20	2508/QĐ-UBND 30/10/2018	6.500	835	

Handwritten signature

Handwritten mark

STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Công suất thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMĐT	Trong đó: NSDP	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	
-	Trường THPT Nguyễn Huệ, Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị		19-21	2008/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Tx Q.Tri	4.154	4.154	1.389	Hỗ trợ TX
-	Nhà học thực hành trường THPT Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	1.666m ²	20-22	1438/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	9.828	9.828	6.617	
*	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					235.960	219.960	219.960	
-	Trường THCS&THPT Cồn Tiên, huyện Gio Linh	Gio Linh	Nhà 3 tầng, dt 2.035m ²	21-23	100/NQ-HBND 9/12/2020	14.900	14.900	14.900	
-	Trường THCS&THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, Hạng mục: Nhà học thực hành	Vĩnh Linh	Nhà 3 tầng, dt 2.013m ²	21-23	101/NQ-HBND 09/12/2020	14.900	14.900	14.900	
-	Trường THPT Cam Lộ, Hạng mục: Nhà hiệu bộ và Nhà đa chức năng	Cam Lộ	NHB 972m ² , NDN 800m ²	22-24	42/NQ-HBND ngày 24/6/2021 của huyện CL	12.000	10.000	10.000	
-	Trang thiết bị dạy học trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Đông Hà	Thiết bị	22-24	114/NQ-HBND 30/8/2021	4.000	4.000	4.000	
-	Trường THPT Triệu Phong, Hạng mục: Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành	Triệu Phong	1.482m ²	22-24	67/NQ-HBND ngày 27/7/2021 của huyện TP	10.000	8.000	8.000	
-	Cải tạo nhà học đa năng Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	Đông Hà	Cải tạo	22-24	134/NQ-HBND 30/8/2021	3.550	3.550	3.550	
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, Hạng mục: Xây mới Giảng đường đa năng, Cải tạo và mở rộng Nhà hiệu bộ, Cải tạo Khóik phòng học	Đông Hà	GDDN: 1.496 m ² ; NHB, PH	22-24	120/NQ-HBND 30/8/2021	24.414	19.214	19.214	+ XSKT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						Tổng số	TMDT		
						Trong đó:	NSDP		
-	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Toàn tỉnh	8 NĐN, 24 PTH, 3 NHB, 16 phòng TEKT, 1 TV	22-25	115/NQ-HĐND 30/8/2021	104.896	104.896	104.896	
-	Trường trung cấp nghề giao thông vận tải Quảng Trị; hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đông Hà	506m ²	22-24	119/NQ-HĐND 30/8/2021	2.000	2.000	2.000	
-	Hỗ trợ phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú					45.300	38.500	38.500	
+	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Nhà nội trú	Vĩnh Linh	24 phòng	21-23	4193/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	11.000	9.000	9.000	
+	Trường PTDT bán trú Tiểu học Vĩnh Hà; Hạng mục: Nhà 2 tầng, 6 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	6 phòng học	23-25	19/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	5.500	5.000	5.000	
+	Trường PTDT Nội trú Gio Linh; hạng mục: xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chỉnh trang khuôn viên	Gio Linh	XD mới 1.840m ² , Cải tạo 1.700m ²	22-24	15.1/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện GL	13.500	11.500	11.500	
+	Trường PTDT BT TH&THCS Hướng Lập, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	990m ²	23-25	50/NQ-HĐND 12/8/2021 của huyện HH	6.000	5.000	5.000	
+	Trường PTDT BT TH&THCS Ba Tầng, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	930m	23-25	50/NQ-HĐND 12/8/2021 của huyện HH	6.000	5.000	5.000	

STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Diện tích thiết kế	Thời gian KC-HTT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMĐT Trong đó: NSDP			
+	Trường PTDTBT THCS Tà Lông, hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đakrông	540m ²	23-25	18/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của huyện Đakrông	3.300	3.000	3.000	
2	Cấp huyện							178.600	
-	Huyện Hương Hóa							25.500	
-	Huyện Đakrông							21.900	
-	Huyện Cam Lộ							17.000	
-	Huyện Hải Lăng							19.000	
-	Huyện Triệu Phong							19.700	
-	Huyện Vĩnh Linh							20.200	
-	Huyện Gio Linh							19.700	
-	TX Quảng Trị							15.000	
-	TP Đông Hà							20.600	
II	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ					94.506	87.507	44.650	
1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					46.129	44.375	1.518	
-	Trạm ứng dụng Khoa học công nghệ Bắc Hương Hóa	Hương Hóa	150 ha	17-19	2756/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	19.129	19.129	1.100	
-	Thiết bị đo lường thử nghiệm phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa tại khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo	Hương Hóa	Thiết bị	16-16	2755/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.000	25.246	418	
2	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					48.377	43.132	43.132	
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	Thiết bị	21-23	99/NQ-HĐND 9/12/2020 1338/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	25.616	22.500	22.500	

Biểu số 3

TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN ODA THUỘC TRÁCH NHIỆM NGÂN SÁCH TẬP TRUNG
 (Kèm theo Nghị quyết số 13/2020/QĐ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn đối ứng		
	TỔNG SỐ					4.686.852	920.891	558.550	426.480	
I	CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN					4.686.852	920.891	558.550	276.480	
1	Y tế, dân số và gia đình									
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021</i>									
-	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	xây dựng các trạm y tế	2020-2024	710/QĐ-UBND ngày 02/4/2019	151.049	31.035	31.035	26.270	Nguồn HCSN: 2.265 triệu
2	Các hoạt động kinh tế									
2.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021</i>									
-	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA)	HH, GL, HL, TP	RPH 2.900 ha, bảo vệ 2.500 ha, khoanh nuôi tái sinh 1.700 ha	2012-2021	1405/QĐ-UBND ngày 08/8/2012; 3728/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	225.180	22.365	22.365	10.584	
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021</i>									
-	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	VL, GL, TP, HL		2019-2023	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	248.443	72.982	72.982	64.684	

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Trong đó: NSDP		
2.2	Công nghiệp Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021									
	Tiểu Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	HH, HL, GL	ĐD 23,747 km; 27 TBAs; 109,902 km đđ hạ thế	2018-2020	1651/QĐ-TTg ngày 27/10/2017; 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018; 346/QĐ-UBND ngày 21/2/2019	76.993	11.993	11.993	3.500	Vốn đối ứng: GT nhân dân đóng góp 4.993 triệu đồng, phần vốn còn lại NSDP
2.3	Giao thông Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021									
	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	ĐH, LB	Phát triển đô thị	2013-2021	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	2.446.067	436.411	216.645	54.860	Quy đất bố trí hoàn ứng
	Dự án Đường nối Cầu Đại Lộc với Quốc lộ 1A	ĐH, TP	2.080,47 m đường	2013-2020	1636/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 1750/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	49.739	22.387	22.387	590	
	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	VL, CL, GL, ĐK, HH, TP, HL	Xây dựng 99,92 km đường; Bảo vệ 2.459km; XD, nập cấp, cải tạo 52 cầu	2016-2021	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	219.110	16.110	16.110	3.960	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021									
	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	TP, HL, GL, VL, CL, ĐK, HH	2 hợp phần	2018-2023	998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017; 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	998.152	255.679	119.604	71.895	
2.4	Cấp nước, thoát nước									

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Vốn đối ứng		
						Tổng số	Tổng số	Trong đó: NSĐP		
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021									
-	Dự án cấp nước xã Vĩnh Long, Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.000 m ³ /ngày.đêm	2013-2015	1224/QĐ-UBND ngày 13/7/2010; 1013/QĐ-UBND ngày 28/5/2014	14.008	10.861	4.361	1.000	
2.5	Du lịch									
	Các dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2021									
-	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	Gio Linh	Bãi tắm cộng đồng; hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh môi trường	2018-2024	1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018, 2484/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	258.111	41.068	41.068	39.137	
II	CÁC DỰ ÁN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025								150.000	Trình HĐND tỉnh giao danh mục các dự án ODA mới khi đảm bảo đủ điều kiện giao vốn

Biểu số 4

**TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI PHẢN CẤP DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ**
(Kèm theo Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
					Tổng số	Trong đó: NSDP		
1	2	3		4	6	7		
	TỔNG CỘNG				1.214.606	461.620	589.188	
I	HOÀN TRẢ ỨNG TRƯỚC						4.860	
-	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu ven biển						60	
-	Câu Cam Hiếu						4.800	
II	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						20.000	
III	QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH						98.000	
IV	ĐẦU TƯ NGÀNH, LĨNH VỰC				1.214.606	461.620	373.580	
I	Quốc phòng				141.200	42.800	22.400	
	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>							
-	Nâng cấp mặt đường từ Sa Trầm xã Ba Nang đi Pa Lin xã A Vao (giai đoạn 2)	Đakrông	11,472 km	16-21		98.000	4.000	Đổi ứng dự án NSTW
-	Công trình trận địa chiến đấu phòng không	MẬT	MẬT	20-21		9.200	4.800	Hoàn thành
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>							
-	Đường hầm sơ chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2)	Đakrông	MẬT	21-23		31.000	31.000	+ Vốn đầu giá đất 18 tỷ đồng
-	Trường bán huyện Gio Linh	Gio Linh	1200 m2	21-22		1.000	1.000	
-	Cơ sở khám chữa bệnh tại thôn Cù Bai, xã Hường Lập, huyện Hường Hóa	Hường Hóa	170 m2	21-22		2.000	2.000	

Handwritten signature and initials.

TT	Tên dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMĐT	Trong đó: NSDP		
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					22.900	22.700	12.780	
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	8038 m2	19-21	1711/QĐ-UBND ngày 10/7/2019	7.500	7.500	2.090	Hoàn thành
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	9984 m2	19-22	1071/QĐ-UBND 13/5/2019	10.000	10.000	5.490	Hoàn thành
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025								
-	Trụ sở công an xã Ba Tầng, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	377 m2	22-24	132/NQ-HĐND 30/8/2021	3.000	3.000	3.000	
-	Nhà làm việc công an quân sự xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	118 m2	22-23	16/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	1.300	1.200	1.200	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	90 m2	22-23	15/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	1.100	1.000	1.000	+ Vốn NS huyện cân đối
3	Y tế, dân số và gia đình Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					93.500	34.000	34.000	
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Tàn tỉnh	6140 m2 + cải tạo, sửa chữa	23-26	121/NQ-HĐND 30/8/2021	74.500	18.000	18.000	+ Vốn XSKT
-	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh - Hạng mục: Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm	Vĩnh Linh	1988 m2	21-23	4599/QĐ-UBND 283/12/2020 của huyện VL	19.000	16.000	16.000	+ Vốn NS huyện cân đối
4	Văn hóa, thông tin Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					98.922	53.000	50.000	
-	Nhà văn hóa huyện Gio Linh	Gio Linh	450 chỗ	20-22	3625/QĐ-UBND 30/10/2020 UBND huyện GL	32.240	15.000	14.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng (giai đoạn 1)	Hải Lăng	2.857m2	20-22	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	26.682	8.000	6.000	Hỗ trợ xây dựng huyện NTM
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025								

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Đường vào khu di tích quốc gia Thành Tân Sờ	Cam Lộ	5,66 km	23-25	40/NQ-HĐND ngày 5/7/2021 của huyện CL	20.000	10.000	10.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	3.600 m ²	22-24	11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Tx QT	20.000	20.000	20.000	+ Vốn NS thị xã cân đối
5	Phát thanh, truyền hình, thông tấn Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					19.000	19.000	19.000	
-	Đầu tư cơ sở vật chất đài truyền thanh cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	Thiết bị	22-24	117/NQ-HĐND 30/8/2021	15.000	15.000	15.000	
-	Nhà đặt máy phát thanh, truyền hình tại Trung tâm truyền hình kỹ thuật số	Đông Hà	435 m ²	22-23	118/NQ-HĐND 30/8/2021	4.000	4.000	4.000	
6	Bảo vệ môi trường Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					13.500	10.000	10.000	
-	Hệ thống tuyến ống dẫn nước thải cụm công nghiệp Diên Sanh	Hải Lăng	1.220m ³ /n ngày đêm	22-24	8b/NQ-HĐND ngày 23/6/2021	13.500	10.000	10.000	
7	Các hoạt động kinh tế					719.684	188.620	121.900	
7.1	Công nghiệp Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					71.000	11.000	2.000	
-	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020	Toàn tỉnh	87 thôn	2014-2021	2393/QĐ-UBND 30/10/2014 842/QĐ-UBND 24/4/2017	71.000	11.000	2.000	
7.2	Giao thông Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					551.466	130.120	77.300	
-	Nâng cấp hệ thống đường giao thông TX Quảng Trị	TX Quảng Trị	26 tuyến đường	18-22	1915/QĐ-UBND 12/7/2017 69/NQ-HĐND 10/11/2020	119.856	50.000	26.000	
-	Đường tránh lũ, cứu hộ và phát triển kinh tế phía Tây huyện Triệu Phong và phía Nam huyện Cam Lộ	Triệu Phong	8.200m	44521	247/QĐ-UBND 15/2/2011 1511/QĐ-UBND 22/7/2014	350.000	25.820	4.000	

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMĐT			
						Trong đó: NSDP			
-	Nâng cấp hệ thống đường liên thôn xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	4373 m	19-21	1964/QĐ-UBND 29/7/2019	7.200	3.000	2.000	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông	Đakrông	1530m	18-21	2513/QĐ-UBND 30/10/2018	19.060	9.000	3.000	
-	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025								
-	Đường giao thông liên thôn Mã Lai-Tân Pun, xã Hường Phùng, huyện Hường Hóa	Hường Hóa	2950m	22-24	133/NQ-HBND 30/8/2021	8.500	8.300	8.300	Đổi ứng của Đoàn 337/QK4
-	Đường Dương Văn An (kéo dài), thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	2429 m	21-23	30/NQ-HBND 4/12/2020 của huyện CL	27.000	16.000	16.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Hệ thống điện chiếu sáng khu vực nội thị thị trấn Gio Linh	Gio Linh	2969m	24-25	15/NQ-HBND 24/6/2021 của huyện GL	4.850	3.000	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông (giai đoạn 2)	Đakrông	3,63 km	23-25	13/NQ-HBND 30/6/2021 của huyện ĐK	15.000	15.000	15.000	
7.3	Khu công nghiệp và khu kinh tế					25.125	19.000	17.800	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025								
-	Xây dựng CSHT CCN Hải Chánh; hạng mục tuyến đường RD5	Hải Lăng	698 m	20-21	1588/QĐ-UBND ngày 23/6/2020	4.335	3.000	1.800	+ Vốn NS huyện cân đối
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025								
	Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Chánh	Hải Lăng	954,3 m	23-25	8c/NQ-HBND ngày 23/6/2021 của huyện HL	13.000	10.000	10.000	+ Vốn NS huyện cân đối
	Hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hải Lệ, thị xã Quảng Trị (giai đoạn 1)	Quảng Trị	200m3/ ngày/đêm	22-24	12/NQ-HBND ngày 30/6/2021 của TX Q. Trị	4.290	3.000	3.000	+ Vốn NS thị xã cân đối
	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Cam Thành, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	1145m	23-25	41/NQ-HBND ngày 05/7/2021 của huyện CL	3.500	3.000	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối
7.4	Thương mại					8.000	4.500	4.500	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025								
-	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Long, huyện Hường Hóa	Hường Hóa	132 lô quầy	22-24	50/NQ-HBND 12/8/2021 của huyện HH	5.000	3.000	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Chợ Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	32 lô quầy	22-24	37/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện CL	3.000	1.500	1.500	+ Vốn NS huyện cân đối
7.5	Cấp nước, thoát nước					17.171	15.500	15.500	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>								
-	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Cồn Cỏ (giai đoạn 2)	Cồn Cỏ	200m ³ ngày đêm	21-23	08/NQ-HĐND 25/11/2020 của huyện CC	17.171	15.500	15.500	+ Vốn NS huyện cân đối
7.8	Công nghệ thông tin					46.922	8.500	800	
	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>								
-	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Thiết bị	18-22	2782/QĐ-UBND 31/10/2017	46.922	8.500	800	Hoàn thành
7.9	Hỗ trợ doanh nghiệp							4.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>								
-	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh	Hỗ trợ	21-25				4.000	Hỗ trợ
8	Quản lý nhà nước					105.900	91.500	91.500	
	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>								
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên Môi trường	Đông Hà	4 tầng	20-21	2065/QĐ-UBND 29/7/2020	7.000	2.000	2.000	Hoàn thành
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>								
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Đông Hà	Cải tạo	21-22	96/NQ-HĐND 9/12/2020	2.500	2.500	2.500	
-	Trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Trị	Đông Hà	2044 m2	21-23	28/NQ-HĐND 12/5/2021	30.000	30.000	30.000	
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	Đông Hà	Cải tạo	22-23	124/NQ-HĐND 30/8/2021	2.500	2.500	2.500	
-	Sửa chữa trụ sở UBND tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Cải tạo	22-24	130/NQ-HĐND 30/8/2021	30.000	30.000	30.000	
-	Hội trường Huyện ủy Cam Lộ	Cam Lộ	890 m2	22-24	39/NQ-HĐND 5/7/2021 của huyện CL	14.600	8.000	8.000	+ Vốn NS huyện cân đối

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XĐ	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSDP	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					TMDT						
-	Trụ sở UBND xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông	Đakrông	990,6 m2	22-24		7.300	37/NQ-HĐND 29/7/2021 của huyện ĐK	6.500	6.500	+ Vốn NS huyện cân đối	
-	Hội trường huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đakrông	Đakrông	1236 m2	21-23		7.000	119/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện ĐK	5.500	5.500	+ Vốn NS huyện cân đối	
-	Nhà công vụ huyện Đakrông	Đakrông	500 m2	23-24		5.000	15/NQ-HĐND 30/6/2021 của huyện ĐK	4.500	4.500	+ Vốn NS huyện cân đối	
9	Ngân hàng, lĩnh vực khác									12.000	
-	Chỉ thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại			21-25						12.000	
V	HĐND TỈNH GIAO KHI ĐỦ ĐIỀU KIỆN (Xây dựng điểm cơ sở A11 theo đường cơ sở để tỉnh chiếu rộng lãnh hải trên vùng biển Việt Nam; Hệ thống công sở các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh; Sửa chữa trụ sở làm việc chi nhánh Văn phòng đất đai các huyện; Trụ sở Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; Hội trường Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; Sửa chữa trụ sở làm việc HĐND tỉnh;)									92.748	



Biểu số 05

TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	Tổng số	Trong đó: NSĐP		
	TỔNG SỐ								
A	CẤP TỈNH QUẢN LÝ								
I	NGUỒN THU TỪ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở								
1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất								
2	Bố trí các công trình phát triển quỹ đất								
a	<i>Dự án chuyên tiếp</i>								
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	30ha	2016-2021	2372/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1829/QĐ-UBND ngày 04/8/2016; 933/QĐ-UBND ngày 26/4/2019	251.951	251.951	62.000	Trong đó: trả nợ vốn vay 44 tỷ đồng
-	Đường Vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (giai đoạn 1)	Đông Hà	5,178 Km	2011-2021	1433/QĐ-UBND ngày 05/08/2010; 3389/QĐ-UBND ngày 08/12/2017	189.127	158.708	5.000	
-	Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ	Đông Hà	5,43ha	2017-2022	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 369/QĐ-UBND ngày 25/2/2019	56.078	56.078	2.000	
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	41,6ha	2020-2025	13/NQ-HĐND ngày 20/7/2019; 2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876	443.876	385.000	

Handwritten signature

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT			
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Via hè các tuyến đường Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1	Đông Hà	26ha	2020-2023	68/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 213/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	7.900	7.900	4.800	
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Đông Hà	78 ha	2011-2021	1609/QĐ-UBND ngày 05/8/2011; 2006/QĐ-UBND ngày 27/9/2007	334.014	334.014	7.000	
b	Dự án khởi công mới								
-	Khu đô thị Tân Vĩnh	Đông Hà	10ha	2021-2023	05/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	60.800	60.800	60.200	
-	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	25ha	2022-2026	106/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	546.680	546.680	485.000	Giảm tiến độ do ưu tiên nguồn lực cho dự án trọng điểm
-	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà	Đông Hà	14, 1ha	2021-2022	70/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 472/QĐ-UBND ngày 01/3/2021	18.476	18.476	18.000	
-	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ Khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	10 ha	2021-2022	06/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	22.270	22.270	22.000	
-	Công viên mini Phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà	0,2ha	2020-2021	29/NQ-HĐND ngày 09/6/2020	7.300	7.300	6.500	
3	Bố trí cho các công trình phát triển KTXH khác					5.949.840	1.203.268	855.000	
a	Dự án chuyển tiếp								
-	Đường Trường Chinh, thành phố Đông Hà (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương)	Đông Hà	700m	19-21	2335/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	14.893	14.893	4.500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Điện chiếu sáng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ QL.9 đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	3,1km	20-21	7173/QĐ-UBND ngày 20/11/2019; 1966/QĐ-UBND ngày 23/7/2020	8.495	8.495	3.000	
-	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	Đông Hà	0,7km	20-23	44/NQ-HĐND ngày 06/12/2019; 2323/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	63.502	63.502	49.100	
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên Môi trường	Đông Hà	4 tầng	20-21	2065/QĐ-UBND 29/7/2020	7.000	7.000	1.000	+ NSCĐ
-	Cải tạo nhà khách Tỉnh uỷ Quảng Trị	Đông Hà	4671 m2	20-21	1131/QĐ-UBND ngày 05/5/2020	13.789	10.789	10.700	Hoàn trả vốn ứng trước 5 tỷ đồng
-	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các Ban Đảng, nhà công vụ	Đông Hà	2785 m2	20-21	3495/UBND-TH ngày 03/8/2020	13.000	13.000	13.000	Hoàn trả vốn ứng trước 5,5 tỷ đồng
-	Đường và cầu Trung Yên, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	đường 750m cầu 86 m	18-21	2940/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	8.186	8.186	2.100	
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	ĐH, HH	02 đô thị	13-22	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND 13/5/2019	2.446.067	216.645	150.447	Trong đó bao gồm hoàn trả Quỹ PT đất tỉnh 28 tỷ; hoàn trả ADB vốn ứng GPMB 100 tỷ
-	Cơ sở hạ tầng Khu Tái định cư Lao Bảo - Tân Thành (giai đoạn 2013-2015)	Hương Hóa	san nền, đường	18-20	628/QĐ-UBND 31/3/2017	59.412	14.360	2.500	Thanh toán KLHT
-	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường trung tâm (thuộc dự án CSHT KCN Quán Ngang)	Gio Linh	1,7 km	2019-2020	3183/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	5.818	800	800	Thanh toán KLHT
-	Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang	Gio Linh	1500m3 /ngày đêm	2016-2021	614/QĐ-UBND ngày 29/6/2016; 6078/UBND-CN ngày 31/12/2020	104.000	4.000	3.200	Thanh toán KLHT

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT			
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Đường nối KCN Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường trung tâm trục dọc KKT Đông Nam, tỉnh Quảng Trị)	TP, HL	23 km	2017-2021	2986/QĐ-UBND ngày 30/10/2011; 2163/QĐ-UBND ngày 19/8/2019; 1752/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	630.000	13.400	13.400	
-	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đông, TX Quảng Trị	TP, QT	7,498,35 m	2018-2022	2514/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	80.000	50.000	45.000	
b	Dự án khởi công mới								
-	Hỗ trợ ưu đãi đầu tư	Toàn tỉnh		2021-2025				5.000	Hỗ trợ
-	Cầu Bến Lội, huyện Triệu Phong	TP	45m	2021-2023	1881/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	19.000	19.000	18.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Cầu qua sông Nhung và đường hai đầu cầu, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	Cầu 398m; đường 810m	2021-2022	37/NQ-HBND ngày 02/12/2020	5.000	5.000	5.000	
-	Via hè đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà	Đông Hà	26510 m ²	2022-2024	93/NQ-HBND ngày 03/12/2020; 42/NQ-HBND ngày 25/6/2021	20.000	20.000	18.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	Via hè đường Hùng Vương (đoạn từ Ngõ Quyền đến Lý Thường Kiệt)	Đông Hà	2,4km	2020-2021	11/NQ-HBND ngày 21/4/2020	14.900	14.900	14.900	
-	Công viên đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà	5,0ha	2021-2024	125/NQ-HBND 30/8/2021	18.000	18.000	18.000	
-	Chợ Tân Liên, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	7364m ²	2020-2021	3234/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	7.000	2.000	1.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Cầu Kênh mới, xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	22,2 m	2020-2021	65/NQ-HBND ngày 10/11/2020	4.500	4.000	4.000	+ Vốn bảo trì đường bộ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	Tổng số	TMDT Trong đó: NSĐP		
-	Hoàn thiện hạ tầng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ đường NTT đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	2,4 km	2021-2024	103/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	9.860	9.860	9.500	
-	Tạo mặt bằng sạch tại thửa đất số 383 (154a), tờ bản đồ số 30 của bà Lê Thị Cúc, trú tại khu phố 2 phường Đông Lễ	Đông Hà	472 m2	2021	487/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	2.200	2.200	2.200	
-	Đường nối từ cầu chui đường sắt (tại nút giao ĐT575a với quốc lộ 1) đi ĐT575b, huyện Gio Linh	Gio Linh	3253,2m	2021-2022	1036/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	19.500	6.500	6.500	+ Vốn bảo trì đường bộ
-	Mô hình điểm trung chuyển rác, xử lý rác tại các xã thuộc địa bàn huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong	HL, TP, VL	20.400 m2	2022-2024	128/NQ-HĐND 30/8/2021	14.600	14.600	14.600	
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Trần Cao Vân, TP Đông Hà	Đông Hà	610 m	2022-2023	35/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	12.000	10.000	10.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	Đường Trần Quang Khải nối dài (đoạn từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Lê Thánh Tông)	Đông Hà	360 m	2022-2023	33/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	20.000	16.000	16.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Lê Lợi, TP Đông Hà	Đông Hà	1730 m	2022-2023	34/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	19.000	16.000	16.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	GPMB khu vực hồ nuôi tôm Lập Thạch, phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà		2022		9.200	9.200	9.200	Hoàn trả tạm ứng
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	4960 m	2022-2024	11/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện VL	15.000	12.000	12.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Xây dựng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt khu vực nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và vùng lân cận	Gio Linh	750kg/h	2022-2024	129/NQ-HĐND 30/8/2021	8.418	4.000	4.000	Đổi ứng Quỹ BVMT VN
-	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông	Đakrông			123/NQ-HĐND 30/8/2021	20.000	20.000	20.000	

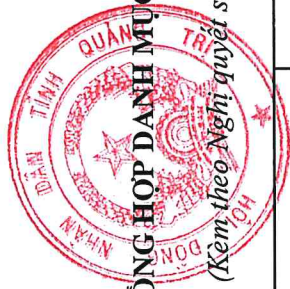
STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT			
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 phường 5	Đông Hà	1,5 km	2022-2024	31/NQ-HBND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	51.000	20.000	20.000	+ Vốn ngân sách thành phố
-	Đường Lê Thánh Tông, thành phố Đông Hà (đoạn Lê Lợi - Hùng Vương)	Đông Hà	659 m	2022-2025	32/NQ-HBND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	80.000	75.000	75.000	+ Vốn ngân sách thành phố
-	Hệ thống cấp nước tập trung vùng nông thôn	HH, ĐK, CL	5.343 hộ dân	2022-2024	127/NQ-HBND 30/8/2021	60.000	60.000	60.000	+ Vốn đảm bảo ATGT
-	Xử lý, khắc phục môi trường ô nhiễm tại nạn giao thông trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh	5 cụm đèn GT	2021-2023	93/NQ-HBND 16/7/2021	6.500	3.600	3.600	+ Vốn đảm bảo ATGT
-	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Toàn tỉnh		2021-2025				20.000	1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020
-	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh		2021-2025				40.000	Theo cơ chế của CTMTQG NTM
-	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây	VL, TP, GL, ĐH	55,7 km	2021-2025	105/NQ-HBND 09/12/2020; 16/NQ-HBND ngày 12/5/2021; 40/NQ-HBND ngày 12/5/2021	2.060.000	416.338	27.753	
c	HỖND TỈNH GIAO KHI ĐỦ ĐIỀU KIỆN (Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu; Tăng cường năng lực cấp nước sinh hoạt mùa hạn cho thành phố Đông Hà; ...)							106.000	
II	NGƯỜN THU TỬ ĐẤU GIÁ, ĐẤU THẦU CÁC KHU ĐẤT CHO NHÀ ĐÀU TƯ SỬ DỤNG							1.030.000	
1	Đo đạc địa chính và quy hoạch triển đất							154.500	
2	Dự án phát triển quỹ đất và công trình phát triển KTXH khác					2.926.951	768.962	875.500	
a	Dự án chuyển tiếp								

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	Tổng số	TMDT Trong đó: NSĐP		
-	Cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà	Đông Hà	300 m	2020-2021	447/QĐ-UBND ngày 02/3/2018; 814/QĐ-UBND ngày 12/4/2019	334.000	25.000	11.553	Hoàn trả vốn ứng trước
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vinh Linh	140,84ha	2014-2015	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	2.900	Trả nợ KLHT
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	Hương Hóa	20,95m	2016-2018	2383/QĐ-UBND ngày 10/10/2014; 629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	3.947	Thanh toán KLHT
-	Hệ thống tưới tiêu toàn tỉnh	Toàn tỉnh	18.500 ha	2016-2021	2385/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	104.742	44.742	8.000	Hoàn thành
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng (giai đoạn 1)	Hải Lăng	2.857m2	2020-2021	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	37.400	15.533	6.000	Hỗ trợ xây dựng huyện NTM
b	Dự án khởi công mới								
-	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh		2021-2025				15.000	Hỗ trợ
-	Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong	Triệu Phong	4045 m	21-23	1989/QĐ-UBND 22/10/2020 của huyện TP	14.825	14.000	14.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Đường gom từ các lối tự mở đến đường ngang qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2022	Toàn tỉnh	72 trạm	2021-2023	1823/QĐ-UBND 09/7/2020	14.856	10.400	10.300	
-	Xây dựng hệ thống camera giám sát trật tự an toàn giao thông, kết hợp giám sát an ninh trật tự tại các khu vực trọng yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	1400 m	2021-2023	2631/QĐ-UBND 30/9/2019	14.997	5.000	5.000	
-	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), TP Đông Hà	Đông Hà	475,55 m	2021-2023	2631/QĐ-UBND 30/9/2019	5.000	5.000	5.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT			
					Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng)	Đông Hà	472,43m	2021-2023	91/NQ-HBND ngày 03/12/2020 3000/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của TP Đông Hà	24.000	20.000	17.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông	Đakrông	910 m2	2021-2022	120/NQ-HBND ngày 04/12/2020 2716/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của huyện Đakrông	5.000	3.000	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới	Cam Lộ	1668 m	2021-2022	52/NQ-HBND 24/6/2021 1444/QĐ-UBND 30/7/2021 của huyện CL	10.000	5.500	5.500	+ Vốn nông thôn mới 4,5 tỷ đồng
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	3061,68 m	2021-2023	3588/QĐ-UBND 03/12/2020 của huyện H.Hóa	12.000	9.100	9.100	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Đường hầm số chi huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HBND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2)	Đakrông	MẬT	2021-2023	97/NQ-HBND 9/12/2020	31.000	31.000	18.000	+ Vốn NSTT 13 tỷ đồng
-	Kênh tiêu thoát nước Khu phố 3 phường An Đôn, TX Quảng Trị (liên kết với khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ)	Quảng Trị	945 m	2021-2023	89/NQ-HBND 03/12/2020 của Tx Q. Trị	5.000	5.000	5.000	
-	Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ quốc lộ 1A đến cảng Cửa Việt	Giáo Linh	38,64 ha	2021-2022	10/NQ-HBND 10/3/2021	75.052	75.000	75.000	
-	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại	Toàn tỉnh		2021				12.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	Tổng số	TMBĐT Trong đó: NSĐP		
-	Bến xe kết hợp dịch vụ tổng hợp khu vực Cửa Việt; hạng mục sân nền và sân bãi đỗ xe	Gio Linh	4,15 ha	2022-2024	3583/QĐ-UBND 24/12/2019	5.665	2.935	2.900	+ Vốn thu đầu giá SP nạo vét đường thủy nội địa
-	Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh	Đông Hà	2000 m2	2022-2024	126/NQ-HĐND 30/8/2021	23.000	23.000	23.000	
-	Nâng cấp mở rộng bãi rác trung tâm huyện Triệu Phong	Triệu Phong	8.100m2	2023-2025	72/NQ-HĐND 27/8/2021 của huyện TP	10.000	9.000	9.000	
-	Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	0,36 ha	2022-2024	131/NQ-HĐND 30/8/2021	26.800	21.800	21.800	
-	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây	VL, TP, GL, ĐH	55,7 km	2021-2025	105/NQ-HĐND 09/12/2020 16/NQ-HĐND ngày 12/5/2021; 40/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	2.060.000	416.338	369.935	
c	HĐND TỈNH GIAO KHI ĐỦ ĐIỀU KIỆN (Đối ứng các dự án ODA mới giai đoạn 2021-2025; Đầu tư nâng cấp, cải tạo một số trụ sở cấp xã; Nhà thiếu nhi tỉnh; Đường dân sinh kết nối khu phố 3 và khu phố 4, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà; ...)							222.565	
III	NGUỒN THU ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KKT THƯƠNG MẠI ĐẶC BIỆT LAO BẢO							20.000	
1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất							3.000	
2	Các công trình phát triển quỹ đất và phát triển KTXH khác							17.000	
a	Dự án chuyển tiếp								

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định	Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT T.M Đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	Hương Hóa	20,95m	2016-2018	629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	4.900	Hoàn thiện một số công trình dở dang
-	Công chính KCN Quán Ngang	Gio Linh		2016-2017	2448/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	5.748	1.000	1.000	Thanh toán KLHT
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vinh Linh	140,84ha	2014-2015	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	2.100	Thanh toán KLHT
b	Dự án khởi công mới								
-	San nền và hạ tầng thiết yếu tại Khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2)	Dakrông	Bãi xuất 2,45ha; bãi nhập 0,67 ha; đường GT, HTTN	2022-2025	94/NQ-HĐND ngày 9/12/2020; 43/NQ-HĐND ngày 12/5/2021; 1349/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	94.000	9.000	9.000	+ Vốn NSTW
B	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ							2.100.000	
1	Thành phố Đông Hà							750.000	
2	TX Quảng Trị							100.000	
3	Vinh Linh							385.000	
4	Hương Hóa							75.000	
5	Gio Linh							125.000	
6	Hải Lăng							300.000	
7	Triệu Phong							125.000	
8	Cam Lộ							200.000	
9	Dakrông							40.000	



Biểu số 6
TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT
(Kèm theo Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số Trong đó: NSDP		
	TỔNG CỘNG					382.114	225.033	200.000
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP					82.414	55.400	38.340
<i>1</i>	<i>Các dự án chuyên tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>					43.600	38.900	21.840
-	Trường THPT Chế Lan Viên; hạng mục Nhà đa năng	Cam Lộ	Cải tạo, nâng cấp	19-20		5.500	5.500	1.500 Hỗ trợ đạt chuẩn NTM
-	Trường THPT Lê Thế Hiếu; hạng mục Nhà đa năng	Cam Lộ	Cải tạo, nâng cấp	19-20		4.500	4.500	1.500 Hỗ trợ đạt chuẩn NTM
-	Trường Tiểu học Càng, Hải Chánh	Hải Lăng	245,98 m2	19-20		4.500	3.500	990
-	Trường Tiểu học Triệu Sơn	Triệu Phong	Nhà 2 tầng 600m2	18-20		5.000	4.000	500
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP Đông Hà	Đông Hà	813,68 m2	19-21		8.500	7.000	4.000
-	Trường Tiểu học và THCS xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	1.245 m2	21-22		5.000	4.500	4.300
-	Trường Mầm non Hải Thái, huyện Gio Linh	Gio Linh	6 phòng học	21-22		6.000	5.500	4.750
-	Trường Tiểu học Hàm Nghi, TP Đông Hà. Hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đông Hà	465 m2	21-22		4.600	4.400	4.300

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số Trong đó: NSDP		
2	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025						16.500	
-	Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Quảng Trị; Hạng mục: xây mới giảng đường đa năng, cải tạo và mở rộng nhà hiệu bộ, cải tạo khối phòng học	Đông Hà	GDDN: 1.496 m ² ; NHB, PH	22-24	120/NQ-HĐND 30/8/2021	24.414	5.200	+ Vốn NSCD
-	Trung tâm chính trị huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Xây mới nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	2 tầng, HT 686m ²	21-23	14/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện VL	7.000	6.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cam Lộ	Cam Lộ	Xây mới	23-25	44/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện CL	7.400	5.300	+ Vốn NS huyện cân đối
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH					147.000	126.600	
I	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					40.600	40.100	
-	Quyết toán các công trình hoàn thành						500	
-	Phòng khám Đa khoa khu vực Bồ Bàn	Triệu Phong	2.230m ²	17-19	2778/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	25.600	25.600	1.320
-	Khoa y học nhiệt đới bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	Quảng Trị	1.124 m ²	19-21	2757/QĐ-UBND 11//2018	9.000	9.000	4.410
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ	Cam Lộ	353,5 m ²	20-22	2727/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	5.300
2	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					106.400	86.500	90.630
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	6140 m ² + cải tạo, sửa chữa	23-26	121/NQ-HĐND 30/8/2021	74.500	56.500	52.630
								+ Vốn NSCD

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMĐT Trong đó: NSDP		
-	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa Lao và Bệnh phổi; hạng mục: Xây mới khoa điều trị dịch bệnh nguy hiểm, nhà cầu nổi và cải tạo sửa chữa một số hạng mục khác	Đông Hà	Sửa chữa, xây mới	2022	122/NQ-HĐND 30/8/2021	12.000	12.000	
-	Hỗ trợ đầu tư nâng cấp các trạm y tế xã							
+	Trạm y tế xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	420 m2	22-24	13/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện VL	4.200	4.000	Hỗ trợ đạt chuẩn NTM
+	Trạm y tế xã Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	420 m2	23-25	12/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện VL	4.200	4.000	+ Vốn NS huyện cân đối
+	Nâng cấp các trạm y tế xã trên địa bàn huyện Hải Lăng (xã Hải Chánh, Hải Trường, Hải Quy, Hải Quế, Hải Định)	Hải Lăng	2384 m2	23-25	405/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của huyện HL	6.500	6.000	+ Vốn NS huyện cân đối
+	Trạm y tế xã Cam Nghĩa	Cam Lộ	460 m2	22-24	43/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện CL	5.000	4.000	+ Vốn NS huyện cân đối
+	Đầu tư, nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn TP Đông Hà (Phường 2, Phường 4, Phường Đông Giang, Phường Đông Thanh)	Đông Hà	900 m2	23-25	36/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	9.000	8.000	+ Vốn NS Tp cân đối
III	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, PHÚC LỢI XÃ HỘI					152.700	43.033	
I	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025					108.400	25.533	
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	Nhà 2.857m2	20-22	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	37.400	15.533	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Nhà văn hóa huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	3.950 m2	21-23	4606/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện VL	71.000	10.000	+ Vốn NS huyện cân đối

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						TMBĐT	Trong đó: NSDP		
2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					44.300	17.500	17.500	
-	Hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng Khu di tích Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam	Cam Lộ	TN 1258 m; HTĐ 1086 m	21-23	2795/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	5.500	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Hỗ trợ Sân vận động huyện Đakrông	Đakrông	7.140 m ²	21-23	2713/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện ĐK	6.000	5.000	5.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Hỗ trợ Sân vận động huyện Hải Lăng	Hải Lăng	7,7 ha	23-25	08a/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 của huyện HL	29.000	5.000	5.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Sửa chữa, nâng cấp công viên Lê Duẩn	Đông Hà	420m	22-23	41/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của Tp Đ. Hà	3.300	2.000	2.000	+ Vốn NS Tp cân đối
IV	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới							30.000	
-	Huyện Hải Lăng							7.500	Hỗ trợ các huyện đăng ký về đích
-	Huyện Triệu Phong							7.500	NTM theo NQĐH
-	Huyện Vĩnh Linh							7.500	Đảng bộ huyện
-	Huyện Gio Linh							7.500	